

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 125/2024/DS-ST
Ngày 20 - 5 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quốc Tuấn.

Ông Nguyễn Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 988/2023/TLST-DS ngày 01/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2024/QĐXXST-DS ngày 11/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1953.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn Ú, sinh năm 1984 – Là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 17/11/2023).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn Đ.

Bà Nguyễn Hồng X.

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đặng Văn S.

Ông Đặng Hoàng G.

Bà Đặng Thị M1.

Bà Đặng Thị L.

Chị Đặng Hồng N.

Chị Đặng Kim H.

Anh Đặng Văn L1.

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngân hàng N1. (Gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng chi nhánh tỉnh C kiêm nhiệm phụ trách điều hành Ngân hàng chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau. (Theo Quyết định ủy quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N1).

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Ú có mặt. Ông Đ, bà X, Ngân hàng có đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự khác vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2023 của nguyên đơn và lời trình bày của của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào ngày 19 tháng 02 năm 2007 âm lịch ông M có nhận chuyển nhượng của bà C, ông Đ, bà X, chị H, chị N và anh L1 01 phần đất có diện tích 480 m² – đất tọa lạc tại ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau với giá 19,5 chỉ vàng 24k; việc chuyển nhượng có lập giấy tay tại “*Giấy sang nhượng thành quả lao động ngày 19/02/2007 âm lịch*”; sau khi ký kết hợp đồng thì bên phía ông M đã giao đủ số vàng chuyển nhượng và đã nhận đất quản lý và sử dụng cho đến nay, nhưng chưa đầu tư công trình tài sản gì trên đất. Phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 267,5 m² – loại đất ở – thuộc một phần thửa đất số: 336, 341 – tờ bản đồ số: 10 - bản đồ thành lập năm 2003 (tương ứng với thửa đất số: 438 – tờ bản đồ số: 8 – bản đồ 299 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: A 478284 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/7/1991 cho bà Nguyễn Thị C1). Lý do tranh chấp ông M đã liên hệ gia đình bà C1 nhiều lần lập thủ tục chuyển tên và tách thửa đối với phần đất, nhưng gia đình bà C1 cho rằng GCNQSDĐ do Ngân hàng cầm giữ và hứa hẹn nhiều lần chuộc về thực hiện việc chuyển tên, nhưng cho đến nay vẫn không thực hiện. Ông Ú đã được nghe giải thích về hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Nay ông Ú yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng CNQSDĐ đất được ký kết giữa ông Lê Văn M với bà Nguyễn Thị C1, ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Hồng X, chị Đặng Thị H1, chị Đặng Hồng N, anh Đặng Hoài L2 (Đặng Văn L1) tại “*Giấy sang nhượng thành quả lao động ngày 19/02/2007 âm lịch*” đối với phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 267,5 m² là có hiệu lực pháp luật. Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu thì yêu cầu xử lý hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu, yêu cầu hoàn trả lại 19,5 chỉ vàng 24k. Chi phí tố tụng yêu cầu bị đơn hoàn trả lại toàn bộ.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Cha tên Đặng Văn T1 (chết năm 1985) và mẹ tên Nguyễn Thị C1 (chết năm 2016). Ông T1 và bà C1 có 07 người con tên Đặng Văn S, Đặng Hoàng G, Đặng Văn Đ, Đặng Thị M1, Đặng Thị L, Đặng Văn D (chết), Đặng Thị X1 (chết). Cha mẹ của bà C1 đều đã chết, bà C1 không có

cha mẹ nuôi và con nuôi. Vào năm 2007 bà C1 cùng ông Đ, bà X, chị H1, chị N và anh L1 có sang nhượng cho ông M 01 phần đất ngang 13,5 mét X dài 36 mét với giá 19,5 chỉ vàng 24k, việc chuyển nhượng có lập giấy tay tại “*Giấy sang nhượng thành quả lao động ngày 19/02/2007 âm lịch*”. Sau khi chuyển nhượng thì gia đình đã nhận đủ vàng và đã giao đất cho ông M quản lý và sử dụng cho đến nay. Phần đất chuyển nhượng do bà C1 đứng tên trên GCNQSDĐ. Lý do cho đến nay chưa lập thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất là do GCNQSDĐ thế chấp cho Ngân hàng chưa chuộc về.

Nay ông M và bà Đ vẫn thống nhất chuyển nhượng toàn bộ phần đất cho ông M.

- **Tại công văn số: 112/NHNo.TVT-TH ngày 01/4/2024 của Ngân hàng, thể hiện:** Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị từ chối tham gia tố tụng và vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án các cấp. Nếu có vấn đề khác sẽ khởi kiện vụ án khác.

- **Đối với các đương sự khác:** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến; đồng thời những người này cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc giải quyết vụ án.

- **Tại bản trích đo hiện trạng ngày 26/3/2024 của Công ty TNHH P, thể hiện:** Diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 267,5 m² – loại đất ở – thuộc một phần thửa đất số: 336, 341 – tờ bản đồ số: 10 - bản đồ thành lập năm 2003 (trương ứng với thửa đất số: 438 – tờ bản đồ số: 8 – bản đồ 299 theo GNNQSDĐ số: A 478284 của UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/7/1991 cho bà Nguyễn Thị C1.

- **Tại biên bản đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và kết hợp thẩm định giá tài sản ngày 23/01/2024, thể hiện:** Trên khu đất tranh chấp chỉ có 01 cây mận cho trái.

- **Tại chứng thư thẩm định giá số: 0301.2/2024/CT-CITYLAND/CM ngày 07/3/2024 của Công ty TNHH T2 và thẩm định giá CITYLAND, thể hiện:** Tổng giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 349.623.000 đồng (Giá đất 1.307.000 đồng/m²).

- **Chi phí tố tụng:** Ông Lê Văn M đã dự nộp tổng chi phí tố tụng và đã thực hiện xong 9.583.240 đồng (Trong đó, chi phí xem xét, thẩm định 400.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản 6.048.000 đồng, chi phí đo đạc 3.135.240 đồng).

- **Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:**

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành và thực hiện đúng theo quy định. Riêng đối với các đương sự vắng mặt không rõ lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M công nhận “*Giấy sang nhượng thành quả lao động ngày*

19/02/2007 âm lịch” được ký kết giữa ông Lê Văn M với bà Nguyễn Thị C1, ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Hồng X, chị Đặng Thị H1, chị Đặng Hồng N, anh Đặng Hoài L2 (Đặng Văn L1) đối với phần đất theo đo đạc thực tế 267,5 m² là có hiệu lực pháp luật. Các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông M được thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ông M được liên hệ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Cà Mau thực hiện thủ tục tách thửa, chuyển quyền và xin cấp GCNQSDĐ đối với phần đất được công nhận nêu trên; buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 gồm ông S, ông G, ông Đ, bà M1, bà L có nghĩa vụ giao GCNQSDĐ liên quan đến phần đất để thực hiện. Chi phí tố tụng buộc bị đơn hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ. Về án phí các đương sự được miễn theo quy định.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt họ.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm phát sinh từ giao dịch hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị đơn, nên khởi kiện bị đơn yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng CNQSDĐ đất đã giao kết và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án thì xác định được giữa ông M với bà C1 cùng các con ông Đ, bà X và các cháu chị H1, chị N, anh L1 có thoả thuận chuyển nhượng 01 phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế hiện nay còn lại là 267,5 m² với giá 19,5 chỉ vàng 24, việc chuyển nhượng có lập giấy tay tại “*Giấy sang nhượng thành quả lao động ngày 19/02/2007 âm lịch*” do các bên cùng ký kết, sau khi ký kết hợp đồng xong thì bên ông M đã giao đủ vàng chuyển nhượng và đã nhận đất sử dụng cho đến nay. Bên phía gia đình bà C1 không thực hiện thủ tục chuyển quyền và tách thửa đối với phần đất, nên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] *Xét về đối tượng hợp đồng, điều kiện chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất:* Tại thời điểm ký kết hợp đồng CNQSDĐ thì phần đất

chuyển nhượng bà C1 đã được cấp GCNQSDĐ, đất không tranh chấp, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án; ông M không thuộc trường hợp không được nhận CNQSDĐ; phần đất tranh chấp được xác định là đất ở đủ diện tích được tách thửa theo quy định tại Quyết định số: 40/2021/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh C về việc quy định điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với một số loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Quyết định 40). Nên có căn cứ xác định các bên có đủ điều kiện để thực hiện để chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất theo quy định tại Điều 167, Điều 169, Điều 188, Điều 191 Luật đất đai (LDD).

[4.2] Xét về hình thức, thủ tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hiệu lực của hợp đồng, về việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã giao kết và điều kiện công nhận hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng CNQSDĐ giữa các bên đã được lập thành văn bản, nhưng chưa được công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 502 Bộ luật dân sự (BLDS) và khoản 3 Điều 167 LDD, đồng thời chưa được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và vào sổ địa chính theo quy định tại Điều 503 BLDS và khoản 3 Điều 188 LDD, nên hợp đồng CNQSDĐ giữa các bên được ký kết là chưa có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng các bên hoàn toàn có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc xác lập và thực hiện hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng CNQSDĐ không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ được giao kết trong hợp đồng với nhau (cụ thể bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán đủ vàng chuyển nhượng, bên chuyển nhượng đã giao QSDĐ). Do đó, cần công nhận hiệu lực hợp đồng được xác lập giữa các bên theo quy định tại khoản 1 Điều 127 BLDS thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên trong quan hệ hợp đồng CNQSDĐ đất đã giao kết. Các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực lại hợp đồng CNQSDĐ.

[4.3] Ông M được thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với phần đất được công nhận nêu trên và được quyền liên hệ với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Cà Mau thực hiện thủ tục tách thửa, chuyển quyền và xin cấp GCNQSDĐ đối với phần đất được công nhận nêu trên; buộc ông S, ông G, ông Đ, bà M1, bà L có nghĩa vụ giao GCNQSDĐ liên quan đến phần đất để thực hiện.

[4.4] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã đưa Ngân hàng tham gia tố tụng, nhưng Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét là đúng theo quy định tại Điều 5 BLTTDS.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M.

[5] Xét về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ số tiền chi phí tố tụng

9.583.240 đồng cho nguyên đơn là đúng theo quy định tại các Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166 BLTTDS.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn, bị đơn thuộc trường hợp được miễn dự nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Nghị quyết 326).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 127, Điều 502, Điều 503 BLDS; Điều 166, Điều 167, Điều 188, Điều 191 LDD; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326; Điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định 40.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M.

Công nhận “*Giấy sang nhượng thành quả lao động ngày 19/02/2007 âm lịch*” được ký kết giữa ông Lê Văn M với bà Nguyễn Thị C1, ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Hồng X, chị Đặng Thị H1, chị Đặng Hồng N, anh Đặng Hoài L2 (Đặng Văn L1) đối với phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 267,5 m² – loại đất ở – thuộc một phần thửa đất số: 336, 341 – tờ bản đồ số: 10 - bản đồ thành lập năm 2003 (tương ứng với thửa đất số: 438 – tờ bản đồ số: 8 – bản đồ 299 theo GNNQSDĐ số: A 478284 của UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/7/1991 cho bà Nguyễn Thị C1) là có hiệu lực pháp luật.

Các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ông Lê Văn M được thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với phần đất theo hợp đồng CNQSDĐ được công nhận nêu trên.

Ông Lê Văn M được quyền liên hệ với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Cà Mau thực hiện thủ tục tách thửa, chuyển quyền và xin cấp GCNQSDĐ đối với phần theo hợp đồng CNQSDĐ được công nhận nêu trên; buộc các ông bà Đặng Văn S, Đặng Hoàng G, Đặng Văn Đ, Đặng Thị M1, Đặng Thị L có nghĩa vụ giao GCNQSDĐ liên quan đến phần đất để thực hiện.

(*Diện tích tứ cận cụ thể và vị trí của phần đất có bản vẽ hiện trạng ngày 26/3/2024 của Công ty TNHH MTV T3 thể hiện kèm theo bản án này*).

2. Chi phí tố tụng:

Buộc bị đơn ông Đặng Văn Đ và bà Nguyễn Hồng X hoàn trả cho nguyên đơn ông Lê Văn M số tiền 9.583.240 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Lê Văn M có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông Đặng Văn Đ và bà Nguyễn Hồng X chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn ông Đặng Văn Đ và bà Nguyễn Hồng X còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND huyện Trần Văn Thời;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Trần Văn Thời;
- Phòng TN&MT huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục thuế huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Đông;
- Dương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải